

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 06/TTr - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Hanel

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel (sửa đổi lần 3) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2021;
- Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh cử Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty CP Hanel, nhiệm kỳ 2022-2027;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở những thay đổi về Người quản lý Công ty và nhằm đảm bảo Điều lệ phù hợp với cơ cấu tổ chức và hoạt động thực tế của Công ty CP Hanel, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát, xem xét sửa đổi bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này. *(Phụ lục và dự thảo Điều lệ sửa đổi lần 04 đính kèm theo)*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hanel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua Điều lệ của Công ty.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT 




Bùi Thị Hải Yến

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL (LẦN 4)



Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 1. Giải thích từ ngữ	<p>h) Người quản lý khác: là Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban ng nghiệp vụ và người được công ty cử làm đại diện phần vốn, tham gia quản lý, điều hành tại các đơn vị mà Công ty có góp vốn.</p> <p>k) Giấy tờ pháp lý của cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</p>	<p>h) Người quản lý khác: là Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm, Trưởng Ban, Phó Ban hướng lương chuyên trách và Người được cử: đại diện vốn, quản lý, điều hành tại các đơn vị mà Công ty có vốn góp.</p> <p>k) Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực. - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.</p>	<p>Việc điều chỉnh giải thích từ ngữ về “Người quản lý khác” nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức và hoạt động thực tế của Công ty hiện nay và quy định tại Điều 40.2.i của Điều lệ.</p> <p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước công dân số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023 và Điều 11 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021.</p>
Điều 2. Tên gọi, trụ sở và phạm vi hoạt động của công ty	<p>2. Trụ sở chính</p> <p>- Địa chỉ: Số 2 phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>	<p>2. Trụ sở chính</p> <p>- Địa chỉ: Số 2 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>	<p>Cập nhật, chỉnh sửa lại theo Giấy CNĐKDN đăng ký thay đổi lần 7 ngày 24/01/2025</p>

✓

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của công ty	3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.	3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 4 điều 12 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 10. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông Công ty là tổ chức	3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây: Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện .	3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây: - Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền 1 (một) người đại diện theo ủy quyền. - Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 2 (hai) người đại diện theo ủy quyền. - Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu từ đủ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền tối đa 4 (bốn) người đại diện theo ủy quyền.	Căn cứ khoản 2 Điều 14 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh việc cử Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel nhiệm kỳ 2022–2027, hiện nay UBND thành phố Hà Nội đang cử 04 Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel.

(Handwritten mark)

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
			Vì vậy, Công ty đề xuất điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu và tình hình tổ chức, hoạt động thực tế của Công ty.
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông	<p>Khoản 2 điểm d:</p> <p>d. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cổ đông sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho 1 (một) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.- Cổ đông sở hữu từ đủ 20 đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa là 2 (hai) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.- Cổ đông sở hữu từ đủ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ủy quyền cho tối đa là 3 (ba) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.	<p>Bỏ Khoản 2 điểm d:</p>	Nội dung tại điểm d khoản 2 Điều 12 đã được cập nhật tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ (như đã nêu trên).
	<p>Khoản 4 điểm b:</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử</p>	<p>Khoản 4 điểm b:</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này</p>	Căn cứ khoản 2 Điều 14 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:</p> <p>Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử đủ 3 (ba) ứng cử viên. 	<p>được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:</p> <p>Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 4 (bốn) ứng cử viên. 	<p>thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh việc cử Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel nhiệm kỳ 2022-2027, hiện nay UBND thành phố Hà Nội đang cử 04 Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Hanel.</p> <p>Vì vậy, Công ty đề xuất điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu và tình hình tổ chức, hoạt động thực tế của Công ty.</p>
Điều 22. Điều khoản thanh toán và xử lý các cổ phần mua được lại	<p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p>	<p>3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 3 điều 134 Luật doanh nghiệp 2020</p>
Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ	<p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Việc điều chỉnh nội dung về thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
vụ của Hội đồng quản trị	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>Phê duyệt: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng, Trưởng Ban hướng lương chuyên trách; giao cho Tổng Giám đốc ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p>	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>- Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Giao cho Tổng Giám đốc ký quyết định và các văn bản liên quan đến việc cử người đại diện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> <p>- Phê duyệt: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm, Trưởng Ban, Phó Ban hướng lương chuyên trách và Người được cử tham gia quản lý, điều hành tại các đơn vị mà Công ty có vốn góp; Giao cho Tổng Giám đốc ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p>	<p>điểm i -Điều 40 của Điều lệ Công ty nhằm mở rộng phạm vi thẩm quyền phê duyệt nhân sự, giúp HĐQT kiểm soát tốt hơn đối với các vị trí quản lý quan trọng trong hệ thống, đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm của HĐQT và phù hợp với thực tế tổ chức hoạt động của Công ty.</p>
Điều 48. Tổng Giám đốc Công ty	5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Việc điều chỉnh thẩm quyền của Tổng Giám đốc tại điểm e khoản 5

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	e) Đối với Trưởng phòng, Trưởng ban hướng lương chuyên trách : Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt việc: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; Tổng Giám đốc ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;	e) Đối với Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc Trung tâm, Trưởng Ban, Phó Ban hướng lương chuyên trách và Người được cử tham gia quản lý, điều hành tại các đơn vị mà Công ty có vốn góp : Sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt việc: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, Tổng Giám đốc ký quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;	Điều 48 của Điều lệ nhằm đảm bảo sự đồng bộ với thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã được điều chỉnh tại điểm i Điều 40 nêu trên, tạo tính nhất quán giữa các quy định và phù hợp với cơ cấu tổ chức thực tế của Công ty hiện nay.
Điều 49. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Điểm a khoản 2: a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;	Điểm a khoản 2: a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương , thù lao công việc và thưởng. Lương , thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương , thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương , thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;	Việc sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 49 Điều lệ Công ty là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 163 Luật DN 2020 và tình hình thực tế của Công ty hiện nay (Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty tham gia Hội đồng quản trị chuyên trách hoặc HĐQT đồng thời đảm nhiệm chức danh Ban điều hành nên được hưởng lương theo quy định tại Nghị định

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Tiền lương , thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	53/2016/NĐ-CP; Nghị định 44/2025/NĐ-CP)
Điều 51. Trách nhiệm của người quản lý công ty	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>e) Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:</p> <p>e) Trong trường hợp Công ty được niêm yết hoặc trở thành công ty đại chúng theo quy định pháp luật chứng khoán, thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>Điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 điều 165 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Cổ phiếu của Công ty Hanel (mã HNE) đã bị hủy đăng ký giao dịch kể từ ngày 21/4/2022 theo Thông báo số 1229/TB-VSD ngày 06/4/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Hiện nay, Công ty CP Hanel không phải là Công ty đại chúng. Do đó, trong trường hợp Công ty được niêm yết hoặc trở</p>

Điều khoản hiện hành	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.	4. Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	thành công ty đại chúng theo quy định pháp luật chứng khoán thì mới thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán. Điều chỉnh lại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.
Điều 76. Công khai thông tin	4. Công ty đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 công bố, công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, d và g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật doanh nghiệp.	4. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ và g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp Công ty được niêm yết hoặc trở thành công ty đại chúng theo quy định pháp luật chứng khoán, thực hiện việc công khai thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.	Hiện nay Công ty CP Hanel không phải là Công ty đại chúng, do vậy việc sửa đổi nội dung về công bố, công khai thông tin tại khoản 4- Điều 76 giúp Điều lệ có tính linh hoạt hơn, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty.
Điều 78. Hiệu lực của điều lệ	1. Bản Điều lệ này gồm 7 (bảy) Chương, 78 (bảy mươi tám) Điều được lập thành 6 bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản Điều lệ này gồm 7 (bảy) Chương, 78 (bảy mươi tám) Điều được lập thành 6 (sáu) bản có giá trị như nhau và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hanel thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Cập nhật lại ngày thông qua của Điều lệ sửa đổi (lần 4).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(Sửa đổi lần thứ 4)

Hà Nội - Tháng năm 2025



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel;
- Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 về việc chuyển công ty TNHH một thành viên Hanel thành Công ty Cổ phần Hanel

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2025 Công ty Cổ phần Hanel đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hanel.

CHƯƠNG I.
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) Công ty: là Công ty Cổ phần Hanel
- b) Vốn điều lệ: là vốn góp của các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này.
- c) Điều lệ Công ty: là Điều lệ Công ty Cổ phần Hanel
- d) Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.
- e) Pháp luật: là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng)
- f) Cổ đông: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

g) Người quản lý của Công ty: là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.

h) Người quản lý khác: là Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc trung tâm, Phó Giám đốc trung tâm, Trưởng Ban, Phó Ban hướng lương chuyên trách và Người được cử: đại diện vốn, quản lý, điều hành tại các đơn vị mà Công ty có vốn góp.

i) Các đơn vị trực thuộc Công ty: văn phòng đại diện, chi nhánh, các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

j) Địa chỉ liên lạc: là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

k) Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các giấy tờ sau đây:

- Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

- Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

l) Giấy tờ pháp lý của tổ chức: là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác

m) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

ĐIỀU 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên gọi

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**
- Tên giao dịch quốc tế: **HANEL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY HANEL**
- Logo Công ty:



2. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 2 phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 024.38524555
- Fax : 024.38525770
- Website : www.hanel.com.vn

- Email : info@hanel.com.vn

3. Phạm vi hoạt động

Công ty Cổ phần Hanel hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam, Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

ĐIỀU 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

1. Hình thức tổ chức

Công ty Cổ phần Hanel được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hanel là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tư cách pháp nhân

Công ty Cổ phần Hanel, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Mục tiêu

Công ty Cổ phần Hanel được thành lập nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Điện, điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông;
- Đào tạo nghề công nghệ cao;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao, khu công nghiệp phụ trợ;
- Nông nghiệp công nghệ cao.

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
12.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
14.	Sản xuất rượu vang	1102
15.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
16.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
17.	Sản xuất sợi	1311
18.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
19.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
20.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
21.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
22.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1393
23.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
24.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
25.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
26.	Sản xuất giày dép	1520
27.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong công nghiệp xây dựng, cụ thể: Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng, các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng, cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có các phụ kiện bằng kim loại hay không, như bản lề, khoá, cầu thang, hàng rào chắn, ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc, lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm. Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ; Sản xuất nhà gỗ di động; Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân)).	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
33.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
34.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in; Sản xuất giấy in cho máy vi tính; Sản xuất giấy tự copy khác; Sản xuất giấy nền và giấy than; Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; Sản xuất phong bì, bưu thiếp; Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại)	1709
35.	Sản xuất than cốc	1910
36.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
37.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
38.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
39.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
40.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
41.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
42.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
43.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
44.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
46.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
47.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
49.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
50.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
52.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
54.	Đúc sắt, thép	2431
55.	Đúc kim loại màu	2432
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
58.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
59.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
61.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
62.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
63.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
64.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
65.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
66.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
67.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
68.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
69.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
70.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
71.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
72.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
73.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
74.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
75.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
76.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
77.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
78.	Sản xuất máy luyện kim	2823
79.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
80.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
81.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
82.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
83.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ)	2910
84.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc (Chi tiết: Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc)	2920
85.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe)	2930

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
86.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
87.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
88.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
89.	Sản xuất nhạc cụ	3220
90.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
91.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
92.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
93.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
94.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
95.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
96.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
97.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
98.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
99.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
100.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
101.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
102.	Xây dựng nhà để ở	4101
103.	Xây dựng nhà không để ở	4102
104.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
105.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
106.	Xây dựng công trình điện	4221
107.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
108.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
109.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
110.	Xây dựng công trình thủy	4291
111.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
112.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
113.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
114.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4311
115.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thăm dò và nổ mìn)	4312
116.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
117.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
118.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
119.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
120.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
121.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm các loại động vật hoang dã quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; các động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Phụ lục 3 của Luật đầu tư; Lá thuốc lá quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)	4620
122.	Bán buôn thực phẩm (Trừ đường mía, đường củ cải)	4632
123.	Bán buôn đồ uống (Không bao gồm bán buôn rượu)	4633
124.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
125.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
126.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Không bao gồm các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)	4651
127.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	<i>(Không bao gồm các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)</i>	
128.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
129.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
130.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
131.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>(Trừ gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá, thuốc lào, xì gà)</i>	4711
132.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Trừ dầu thô và dầu đã qua chế biến)</i>	4730
133.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Không bao gồm các vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT)</i>	4741
134.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
135.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
136.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh)</i>	4772
137.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>(Chi tiết: Dịch vụ kho bãi)</i>	5210
138.	Chuyển phát <i>(Chi tiết: Chuyển phát nhanh)</i>	5320
139.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
140.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng <i>(Chi tiết: phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)</i>	5621
141.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
142.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
143.	Xuất bản phần mềm (Chi tiết: Sản xuất phần mềm)	5820
144.	Lập trình máy vi tính	6201
145.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
146.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
147.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư)	6619
148.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất thuê trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất).	6810 (Chính)
149.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)	6820
150.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; Chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh; Lập dự án đầu tư xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Không bao gồm quản lý chi phí đầu tư xây dựng).	7110

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
151.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm tra âm thanh và chấn động; Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; Chứng nhận sản phẩm, bao gồm hàng hóa tiêu dùng, xe có động cơ, máy bay, vỏ điều áp, máy móc nguyên tử)	7120
152.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ (Chi tiết: Ứng dụng công nghệ vi sinh)	7212
153.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá và những mặt hàng bị cấm quảng cáo)	7310
154.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường)	7320
155.	Đại lý du lịch (Không bao gồm dịch vụ đưa khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài)	7911
156.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, không bao gồm dịch vụ đưa khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài)	7990
157.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu, trừ các mặt hàng cấm xuất, nhập khẩu quy định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 Thông tư 34/2013/TT-BCT).	8299
158.	Đào tạo sơ cấp	8531
159.	Đào tạo trung cấp	8532
160.	Đào tạo cao đẳng	8533
161.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
162.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
163.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
164.	Sửa chữa thiết bị đồ dùng gia đình	9522

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty được phép kinh doanh tất cả các ngành nghề, lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm.

Khi cần thiết Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Công ty Cổ phần Hanel chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành.

ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty Cổ phần Hanel tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Hanel là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

3. Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty có 01 (một) người là đại diện theo pháp luật và Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

5. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

6. Tổng Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê, là người điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh chung và là người đại diện theo Pháp luật của Công ty theo quy định của Điều lệ này.

ĐIỀU 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VND).

Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hanel là: **1.926.000.000.000 đồng** (một nghìn chín trăm hai mươi sáu tỷ đồng), trong đó:

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	188.614.400	1.886.144.000.000	97,93%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp	91.200	912.000.000	0,05%
2.1	Cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm công tác	78.100	781.000.000	0,04%
2.2	Cổ phần bán cho người lao động được mua ưu đãi theo mức 200 cổ phần/ 1 năm cam kết làm việc tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa	13.100	131.000.000	0,01%
3	Cổ phần bán ra bên ngoài thông qua hình thức đấu giá	3.894.400	38.944.000.000	2,02%
	Tổng cộng	192.600.000	1.926.000.000.000	100%

Vốn Điều lệ khi thành lập được chia thành 192.600.000 cổ phần bằng nhau. Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông.

Điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty. Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với pháp luật, Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

ĐIỀU 9. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam, khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về Công ty mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại các điểm a, b, c khoản 6 Điều này.

ĐIỀU 10. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU, CỔ ĐÔNG CÔNG TY LÀ TỔ CHỨC

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty.

2. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

- Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền 1 (một) người đại diện theo ủy quyền.

- Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 2 (hai) người đại diện theo ủy quyền.

- Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu từ đủ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền tối đa 4 (bốn) người đại diện theo ủy quyền.

4. Trường hợp chủ sở hữu, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp chủ sở hữu, cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

5. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

- đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

6. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- b) Cổ đông là Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không được cử người có quan hệ gia đình của quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác;

7. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, cổ đông là tổ chức

- a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

- b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện.

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

ĐIỀU 11. CÁC LOẠI CỔ PHẦN

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông kể cả cổ phần Nhà nước nắm giữ, cổ phần bán ưu đãi cho người lao động, cổ phần bán đấu giá và bán cho nhà đầu tư chiến lược.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

3. Ngoài cổ phần phổ thông, công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;

b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

c) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

d) Cổ phần ưu đãi khác theo quy định pháp luật về chứng khoán.

4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

8. Chính phủ quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.

ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

i) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 4 (bốn) ứng cử viên.

Ban kiểm soát:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 1 (một) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 35% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 2 (hai) ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 65% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử đủ 3 (ba) ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 14. CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần Hanel phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- e) Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của công ty;
- f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- g) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty và cổ đông sở hữu cổ phần.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty hoặc hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của Công ty;